TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2018/HC-PT
Ngày: 26/03/2018
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long
Các thẩm thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2017/HC-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87A/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*: Ông Ngô Viết B**; sinh năm 1957.
Địa chỉ: Phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

***2. Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.**
Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
3.1 Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.
Địa chỉ: quận L, TP. Đà Nẵng; Vắng mặt.
3.2 Ủy ban nhân dân phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

3.3 Bà Lê Thị L; sinh năm 1963

3.4 Ông Ngô Viết V; sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L, ông Ngô Viết V: Ông Ngô Viết B.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Ngô Viết B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện là Ngô Viết B trình bày:

Đầu năm 1988 gia đình tôi có khai hoang 1600m^2 đất thuộc thôn H, xà H, huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), nay thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để trồng rau, chăn nuôi gia súc vả có dựng trên đó một ngôi nhà cấp bốn.

Đến năm 1996, tôi có làm đơn và được Ủy ban nhân dân huyện H thành lập Hội đồng tiến hành xét duyệt, đo đạc, vẽ sơ đồ, vào ngày 06 tháng 12 năm 1996, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 003/05, tờ bản đồ số 3 thửa số 53 theo Quyết định số: 1080 của Ủy ban nhân dân huyện H, diện tích 1600m^2 loại đất ở và vườn thời gian sử dụng lâu dài.

Tháng 7 năm 2002, khu đất trên nằm trong diện giải toả để xây dựng khu dân cư H 3. Ban giải toả đền bù thuộc Ban Quản lý dự án Quốc lộ 1A L và P có vận động gia đình tôi giao trước mặt bằng để kịp tiến độ thi công, ứng cho tôi 16.000 đồng/m^2 và bán cho tôi một lô đất đường 10,5m; tôi đã nhận tạm ứng nhưng sau đó Ban quản lý không giải quyết tiếp. Tôi đã làm đơn khiếu nại nhiều nơi, nhiều cấp yêu cầu đền bù đúng pháp luật nhưng không được giải quyết thoả đáng.

Ngày 05 tháng 8 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 5274/QĐ-UBND, giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố lập thủ tục thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) đã cấp cho tôi với lý do là việc thành lập hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chỗ tẩy xoá, sửa chữa, ghi số thửa không đúng quy định và Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) cấp sai.

Nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số: 5274/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại để yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất ở.

Tại Văn bản số: 5315/UBND-TTTP ngày 13 tháng 7 năm 2017, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ ông Ngô Viết B và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Khu đất của hộ ông Ngô Viết B nằm trên vùng giáp ranh giữa xã H (cũ) với

phường T, có nguồn gốc đất, cát hoang và do ủy ban nhân dân xã, phường quản lý. Vào khoảng năm 1990 đến năm 1994, các hộ dân tự khai phá đất hoang để sử dụng sản xuất.

Ngày 06 tháng 12 năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) đã cấp nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00305/QSDĐ/l080 QĐ-UB, với diện tích 1.600m^2, mục đích sử dụng đất ở và đất vườn lâu dài cho hộ ông Ngô Viết B.

Hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Ngô Viết B không thể hiện việc được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, không nộp tiền sử dụng đất.

Hộ ông Ngô Viết B có tên trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sổ mục kê đất (quyển số 1, trang 20), Sổ địa chính (quyển số 5, trang số 35), sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số thứ tự 305), tất cả đều kê khai tại tờ bản đồ số 3, thửa số 53, diện tích 1.600m^2, loại đất T. Ngày 06 tháng 12 năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1928949, vào sổ số: 00305 QSDĐ/1080/QĐ-UB, tờ bản đồ số 3, số thửa 53, diện tích 1.600m^2, mục đích sử dụng: Đất ở và đất vườn, thời hạn sử dụng: Lâu dài.

Thực trạng tại thời điểm giải tỏa để thực hiện dự án khu tái định cư H 3 thì thửa đất của ông Ngô Viết B và xung quanh đều là đất trống, không có nhà ở, không có hoa màu, không có ranh giới sử dụng đất.

Dựa trên việc lập, quản lý hồ sơ địa chính và tài liệu, chứng cứ thu thập được liên quan đến việc sử dụng đất của các hộ nói trên, thì có nhiều dấu hiệu bất thường trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Thứ nhất, về đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất: Khổ giấy mẫu đơn của hộ ông Ngô Viết B có kích thước, chiều dài ngắn hơn khoảng 2-3cm so với các đơn của các chủ sử dụng đất khác cùng thời kỳ đăng ký.

Số tờ, số thửa và diện tích đều bị tẩy sửa bằng bút xóa và viết đè lên với nội dung khác bằng màu mực bút kim đen nhưng ở nội dung không bị tẩy sửa thì được ghi bằng bút bi đen, như ở cột Xứ Đồng (thôn, ấp). Trong khi việc tẩy sửa nếu có sai sót ở các đơn của chủ sử dụng đất khác thì được cạo thủ công chứ không dùng bút xóa rồi được viết lại bằng chính loại bút bi đen đó.

Ghi thêm cụ thể đất ở bao nhiêu, đất LN.k bao nhiêu, đồng thời tại cuối trang tổng diện tích có thể hiện thêm chữ mét vuông (m2) trong khi các đơn khác không thể hiện hai nội dung này. Nét chữ viết tại vị trí tẩy sửa hoàn toàn khác so với vị trí không bị tẩy sửa, chứng tỏ nội dung trong đơn không phải do một người viết tại một thời điểm.

Số thứ tự tại góc trên bên phải của đơn cũng bị gạch xóa, viết lại số mới.

Tại trang 2 của đơn, mục ý kiến của Ủy ban nhân dân xã không được xác nhận đầy đủ, không có ngày tháng năm ký của Chủ tịch xã, trong khi đó các đơn khác đều có thể hiện.

Thứ hai, về Sổ mục kê đất: Có dấu hiệu viết thêm vào cuối trang, nét chữ và màu mực ghi tên ông Ngô Viết B lợt hơn so với các chủ đất còn lại trong trang. Tại trang 21, cột tên chủ sử dụng đất và cột diện tích đất bị tẩy xóa để viết

đè lên tên bà Võ Thị P, trong khi nội dung khi chưa bị tẩy xóa là Ủy ban xã.

Theo hướng dẫn lập sổ mục kê quy định các chỉnh lý sổ mục kê: Các nội dung thay đổi phải được gạch ngang bằng mực đỏ, trường hợp thay đổi tên chủ sử dụng đất, tăng giảm diện tích của thửa đất được chỉnh lý bằng cách ghi chuyển vị trí thửa xuống các trang cuối dành cho mỗi tờ bản đồ và chú thích vào cột ghi chú của dòng thửa xuống các trang cuối dành cho mỗi tờ bản đồ và chú thích vào cột ghi chú của dòng thửa đất đã thay đổi nhưng ở đây lại không thực hiện theo đúng quy định này.

Thứ ba, về bản đồ đo vẽ theo Nghị định 64: Qua kiểm tra bản đồ Film Demax tại Trung tâm Công Nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thành phố, đo vẽ ngày 22/9/1995 và được kiểm tra ngày 30/11/1995, tờ bản đồ số 3 hoàn toàn không thể hiện thửa đất trên. Tại trung tâm hiện có lưu bản gốc: sổ mục kê, sổ địa chính nhưng không có lưu bản đồ gốc 64/CP xã H đã phê duyệt của Sở địa chính – Nhà đất tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân xã H (cũ). (Kèm biên bản làm việc ngày 30/10/2015).

Tại Ủy ban nhân dân phường H và Ủy ban nhân dân quận L cũng không có lưu bản chính bản đồ 64/CP mà chỉ có bản phô tô (kèm Biên bản làm việc ngày 20 và 22/10/2015), tại vị trí thửa đất của các hộ trên có dấu hiệu tẩy xóa, cạnh của thửa đất Rt.20 và CD.k 21 để vẽ thêm thửa đất này, hiện trạng để lại vệt nét của thửa đất cũ trong bản đồ. Cách đánh số thửa theo quy định: số thứ tự thửa đất trên bản đồ địa chính được đánh số liên tiếp từ số 1 trở đi theo nguyên tắc từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Nhưng thửa đất này không thực hiện theo nguyên tắc trên và cách ghi không theo hướng ngang, vuông góc trục thẳng đứng mà ghi xiên, không đồng bộ với các thửa đất khác.

Thứ tư, trên cơ sở Tờ trình số 43/TT-UB ngày 26/11/1996 của Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1080/QĐ-UB ngày 06/12/1996 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.333 hộ gia đình, cá nhân có tên trong danh sách kèm theo nhưng trong danh sách các tổ chức và cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định trên không có tên các hộ này.

Trên cơ sở Báo cáo số 1205/BC-STNMT ngày 15/12/2015 của Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố, ngày 16 tháng 3 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã chủ trì cuộc họp để giải quyết các vụ việc khiếu nại phức tạp trên địa bàn thành phố, kết luận như sau: "Đồng ý theo Báo cáo số 1205/BC-STNMT ngày 15/12/2015 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố về việc thu hồi, hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ, trong đó có hộ ông Ngô Viết B".

Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư: Vào năm 2002, Ban Quản lý dự án Quốc lộ 1A và L - P thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đẩy mạnh tiến độ thi công dự án khu dân cư H 3, đã tiến hành kiểm định hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Ngô Viết B. Hiện trạng tại thời điểm thu hồi đất là đất trống, không có nhà, không có hoa màu. Do đất

của ông Ngô Viết B không có hồ sơ kỹ thuật thửa đất và không có quyết định thụ hồi đất nên ban quản lý dự án Quốc lộ 1A và L - P đã có tờ trình số 606/TT-BQL ngày 09/06/2003 về việc xin ý kiến của ủy ban nhân dân thành phố đền bù đất nông nghiệp cho các hộ bị thu hồi hết đất để xây dựng khu tái định cư H 3B thuộc dự án đường L - P, quận L.

Ngày 28/07/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Công văn số: 2759/UB-VP về việc đền bù đất nông nghiệp có trong quyền sử dụng đất đế xây dựng khu tái định cu H 3B, quận L. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho phép đền bù đất cho các hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp tháng 12 năm 1996 theo giá đất nông nghiệp 16.000 đồng/m^2, cụ thể hộ ông Ngô Viết B: giá trị đền bù về đất l600m^2 x 16.000 đồng/m^2 = 25.600.000 đồng và bố trí một lô đất đường 10,5m.

Hộ ông Ngô Viết B cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996 cho Ban Quản lý Dự án Quốc lộ 1A và L - P để yêu cầu đền bù thiệt hại về đất và bố trí đất tái định cư theo đúng quy định.

Ngày 21/2/2012, Ủy ban nhân dân thành phố có công văn số 895/UBND-NCPC về việc trả lời kiến nghị của ông Ngô Viết B với nội dung: "Hộ ông đề nghị đền bù đất ở theo hạng mức và bố trí đất tái định cư là không có cơ sở để xem xét giải quyết vì: Nguồn gốc đất mà ông sử dụng là do Ủy ban nhân dân xã H (cũ) quản lý, loại đất: hoang cát, ông tự khai phá để trồng rau, chăn nuôi. Khi Nhà nước có chủ trương thu hồi để thực hiện dự án khu tái định cư 3, ban quản lý dự án Quốc lộ 1A và L - P tiến hành kiểm định thì hiện trạng đất của ông không có nhà cửa, vật kiến trúc trên đất. Trong quá trình sử dụng ông không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế hàng năm cho Nhà nước. Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông trong đó gồm đất ở và đất vườn, nhưng không có quyết định giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất, không yêu cầu ông nộp tiền sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quv định tại điều 12, điều 22 và khoản 4,5 điều 79 Luật đất đai năm 1993.

Tuy nhiên, ông Ngô Viết B tiếp tục có đơn kiến nghị và ngày 17/10/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có công văn số 8/2017/UBND-NCPC về việc xử lý đơn kiến nghị của ông Ngô Viết B với nội dung: "Kiến nghị của ông Ngô Viết B về việc đền bù đất ở theo hạn mức và bố trí tái định cư đối với diện tích đất thu hồi 1.600m^2 tại phường H, quận L thuộc dự án khu tái định cư H 3 - Trung tâm đô thị mới Tây Bắc đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trả lời dứt điểm, theo đúng quy định số 895/UBND-NCPC ngày 21/02/2012".

Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu: Không đồng ý với việc giải quyết nêu trên, ông Ngô Viết B có đơn khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, kết quả xác minh của thanh tra thành phố tại báo cáo số 473/BC-TTTP ngày 27/06/2016 và kết quả đối thoại với ông Ngô Viết B ngày

29/06/2016, ngày 05/08/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành quyết định số 5274/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Ngô Viết B.

Ngày 14 tháng 9 năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã ban hành các quyết định về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Ngô Viết B

Về nội dung khởi kiện của ông Ngô Viết B: Qua rà soát toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho thấy: Nguồn gốc đất của hộ ông Ngô Viết B là đất hoang, do ủy ban nhân dân xã quản lý, không có nhà ở, không có ranh giới thửa đất, vị trí các thửa đất không đúng đường đi. Việc lập hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều dấu hiệu bất thường như đã nêu ở trên, không có tên trong danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1080 QĐ-UB ngày 06 tháng 12 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện H nhưng vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định của pháp luật thực tiễn.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xem xét bồi thường theo giá đất nông nghiệp và bố trí 01 lô đất đường 10,5m tại dự án tái định cư H 3 cho hộ ông Ngô Viết B là phù hợp với thực tế sử dụng đất của hộ ông.

Từ những căn cứ trên, thì việc ông Ngô Viết B khiếu nại công văn số 895/UĐND-NCPC ngày 21/02/2012 và công văn số 8567/UBND-NCPC ngày 17/10/2012 của ủy ban nhân dân thành phố và yêu cầu bồi thường theo hạn mức đất ở và bố trí đất tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Viết B là đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của hộ ông Ba. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét tuyên xử vụ việc theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Ngô Viết B đối với Quyết định số: 5274/QĐ-UBND ngày 05/08/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Về hồ sơ tài liệu chứng minh: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã gửi các tài liệu có liên quan đỗ chứng minh đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thông qua Thanh tra thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

Tại bản tự khai và biên bản đối thoại, đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng trình bày:

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Viết B, Ủy ban nhân dân quận L đã giải quyết, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng kết luận. Việc thu hồi giấy chứng nhận của ông Ba thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Nay, ông Ba kiện hủy Quyết định số: 5274/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, đề nghị Tòa án giải

quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng trình bày:

Diện tích đất của ông Ngô Viết B bị thu hồi trước đây thuộc xã H, huyện H.

Việc cấp, thu hồi giấy chứng nhận và giải quyết khiếu nại của ông Ba, Ủy ban nhân dân phường H không có thẩm quyền giải quyết mà chỉ được triệu tập tham gia các cuộc họp.

Nay ông Ba kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và ông Ngô Viết V, ông Ngô Viết B có ý kiến:

Bà Lê Thị L vả ông Ngô Viết V thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ngô Viết B.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2017/HC-ST ngày 10/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Viết B về việc hủy Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định, ngày 20/10/2017, người khởi kiện ông Ngô Viết B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Quyết định hành chính số 5274/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, đồng thời giải quyết bồi thường cho ông diện tích đất bị giải tỏa cho đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Ngô Viết B không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND quận L, thành phố Đà Nẵng được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này, vì đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về nguồn gốc lô đất của hộ ông Ngô Viết B và các hộ khác nằm trong khu đất hoang, ranh giới giữa xã H (cũ) và phường T (cũ), do các hộ này tự khai phá để sử dụng. Khi giải tỏa, qua kiểm tra thực tế trên đất không có nhà ở, không có ranh giới thửa đất, vị trí các thửa đất không có đường đi.

[2] Xét việc lập Hồ sơ địa chính và hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Viết B, thể hiện: Ngày 02/12/1996, UBND huyện H (cũ) ban hành Quyết định số 1080/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tại xã H trên tổng diện tích 250.194,1m^2 gồm 1333 hộ, nhưng đối với hộ ông Ngô Viết B không có tên trong danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng UBND huyện H vẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật và thực tế về sử dụng đất của ông Ngô Viết B như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được quy định tại Điều 12, Điều 22, khoản 4, 5 Điều 79 Luật đất đai năm 1993.

[3] Qua thực tế, xét hộ ông Ngô Viết B là người sử dụng 1600m^2 đất. Nên UBND thành phố Đà Nẵng đã bồi thường theo giá đất nông nghiệp và bố trí 01 lô đất tái định cư đường 10,5 mét tại dự án tái định cư H 3 cho hộ ông Ngô Viết B là đã xem xét phù hợp với thực tế sử dụng đất của hộ gia đình ông và quyền lợi của gia đình ông vẫn được UBND thành phố Đà Nẵng đảm bảo.

[4] Do vậy, án sơ thẩm đã đánh giá đúng, đầy đủ các chứng cứ thực tế quá trình sử dụng đất của hộ ông Ngô Viết B cũng như việc hỗ trợ bồi thường, bố trí 01 lô đất để tái định cư là có căn cứ pháp luật, bảo đảm quyền lợi của ông và gia đình ông.

Nên án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật.

[5] Từ phân tích trên, xét kháng cáo của ông Ngô Viết B, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông cũng không xuất trình chứng cứ gì mới, khác so với án sơ thẩm.

Nên bác kháng cáo của ông Ngô Viết B, giữ nguyên toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Viết B, đề nghị này là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Viết B nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm (đã nộp).

[8] Các quyết định khác của bản ấn sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Viết B và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2017/HC-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Ngô Viết B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Ngô Viết B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 001216 ngày 02/11/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Ngô Viết B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND,VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long